

Số: 04/2023/QĐST-DS

*Q, ngày 30 tháng 01 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải T ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vương Ngọc N - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Giấy ủy quyền số 178-03/2022/UQ-TCB ngày 01/6/2022.

**- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1980 và vợ Tạ Thị N, sinh năm 1986.**

ĐKHKT: Xóm 9, thôn Văn Quang, xã N H, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959.

+ Anh Lê Tiến T, sinh năm 1983.

+ Chị Lê Thanh H1, sinh năm 1990.

+ Anh Lê Văn L, sinh năm 1986.

+ Cháu Lê Hữu Hạnh sinh năm 2008, Lê Thị M Hằng sinh năm 2010, Lê Hữu Danh sinh năm 2012 (con của anh M – chị N).

+ Cháu Lê Tiến Đạt sinh năm 2012, Lê Thị H1 Trang sinh năm 2015 (con của anh T - chị H1).

Cùng ĐKHKT tại địa chỉ: Xóm 9, thôn Văn Quang, xã N H, huyện Q, T phố Hà Nội.

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Ngân hàng TMCP A và anh Lê Văn M - chị Tạ Thị N xác nhận tạm tính đến ngày 12/01/2023 anh M - chị N còn nợ Ngân hàng số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41389/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 29/01/2011, Bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/5/2012 và Khế ước nhận nợ ngày 29/01/2011 số tiền là: 2.617.499.610 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng), trong đó:

- Nợ gốc 911.104.000 đồng (Chín trăm mười một triệu một trăm linh bốn nghìn đồng).

- Nợ lãi trong hạn 890.835.029 đồng (Tám trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi chín đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 815.560.581 đồng (Tám trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm tám mươi một đồng).

**2.2.** Anh Lê Văn M và chị Tạ Thị N cam kết có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP A số tiền 2.617.499.610 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng)

**2.3.** Kể từ ngày 13/01/2023, anh Lê Văn M và chị Tạ Thị N tiếp tục phải trả Ngân hàng TMCP A tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41389/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 29/01/2011, Bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/5/2012, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 29/01/2011 (nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật) trên số dư nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A thì lãi suất mà anh M - chị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

**2.4.** Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Lê Văn M và chị Tạ Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 03, diện tích 167 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thôn Văn Quang, xã N H, huyện Q, T phố Hà Nội đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 287216, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00223 QSDĐ/N-H ngày 01/11/2002 cho hộ ông Lê Văn M (ngày 19/01/2011 đã đính chính hộ ông Lê Văn M T ông Lê Văn M). Tài sản được ông Lê Văn M và bà Tạ Thị N thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Hợp đồng thế chấp tài sản do Văn phòng công chứng Thăng Long, T phố Hà Nội chứng thực số công chứng 627.2011 HĐTC-TCB ngày 28/01/2011, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q ngày 28/01/2011. Theo trích lục bản đồ địa chính của UBND xã N H, thửa đất hiện có số hiệu 257, tờ bản đồ số 17. Hiện trạng thửa đất theo Hồ sơ kỹ thuật do Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ số 1 Q thực hiện đo ngày 17/11/2022 (kèm theo quyết định này).

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của của anh M – chị N theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên; Nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài sản, nếu thiếu thì anh M - chị N vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP A đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**2.5.** Về án phí: Anh Lê Văn M và chị Tạ Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 42.174.000 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Anh M – chị N có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N H, huyện Q nên miễn ½ án phí cho anh M – chị N theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh M – chị N còn phải nộp 21.087.000đ (Hai mươi một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền 51.917.000đ (Năm mươi một triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0000406 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- TAND T phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thúy**